

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Huân;
- Ông Nguyễn Hữu Thái.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Th Hà- Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn H, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Thôn B1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- ***Bị đơn:*** Anh Giáp Văn T1, sinh năm 1993; nơi cư trú tại: Thôn H, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giáp Văn T1 kết hôn ngày 14/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T1 làm dâu luôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 người con chung là Giáp Phương Th, sinh ngày 10/3/2019.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Bắt đầu từ tháng 5/2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cãi vã, to tiếng, cuộc sống gia đình căng thẳng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2021 đến nay; chị về nhà bố mẹ để ở, hai bên không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau.

Sau khi ly thân, hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải, động viên về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 01 người như trình bày ở trên. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con.

Chị không đồng ý giao con chung cho anh T1 nuôi dưỡng. Tháng 6/2021, khi chị về nhà bố mẹ để sống, chị muốn bế con đi cùng để chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ nhưng bị anh T1 và bố mẹ anh T1 giằng co cháu bé nên chị không bế con đi được. Vợ chồng ly thân nhưng chị vẫn thường xuyên về thăm và mua đồ dùng sinh hoạt, ăn uống cho con. Có lần chị về thăm con thì bị mẹ anh T1 và anh T1 ngăn cản, cấm chị không được gặp con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty S – khu công nghiệp Quang Châu, tỉnh Bắc Giang, thu nhập bình quân hàng tháng từ 09 triệu đến 11 triệu đồng/tháng. Thời gian làm việc theo ca, cứ 02 tuần làm đêm, 02 tuần làm ngày. Hiện chị đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi, thoải mái cho sinh hoạt của mẹ con chị; bố mẹ chị hiện nay hơn 40 tuổi còn khỏe, có thời gian để hỗ trợ tôi chăm nuôi cháu.

- Về tài chung, công nợ chung: Để chị và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Giáp Văn T1 trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh. Nhưng bắt đầu từ tháng 5/2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cãi nhau, to tiếng, làm cuộc sống gia đình căng thẳng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2021 đến nay không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Hiện chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã B, huyện Lục Nam sống. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có một con chung như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi con. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, vì từ khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống thì con chung ở với anh, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện anh đang làm công nhân tại khu công

nghiệp Đình Trám, Bắc Giang, thu nhập bình quân là 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, chị T không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T1. Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung là Giáp Phương Th, sinh ngày 10/3/2019, chị xin nuôi. Hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty S, thu nhập từ 9-11 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con, ngoài ra chị còn có bố mẹ để đỡ đỡ hỗ trợ; bố mẹ đỡ chị trên 40 tuổi, có đủ sức khỏe để chăm sóc cháu. Khi chị anh T1 ly thân, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đỡ ở, nhưng anh T1 và gia đình ngăn cản không cho chị đưa con đi. Việc thăm gặp con cũng bị anh T1 ngăn cản. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Giáp Văn T1 trình bày: Anh và chị T sống ly thân từ tháng 6/2021, chị T cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Giáp Phương Th, sinh ngày 10/3/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh vẫn nuôi cháu Th. Hiện tại anh làm công nhân, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con, ngoài ra anh còn có bố mẹ đỡ đỡ hỗ trợ về thời gian; công việc của anh là làm một tháng ca ngày, một tháng ca đêm. Thời gian anh đi làm thì bố mẹ anh ở nhà trông cháu. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Để anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Qua tranh luận các đương sự giữ nguyên quan điểm như trình bày ở trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 55, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình ; các Điều: 147, 227, 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Giáp Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu Giáp Phương Th, sinh ngày 10/3/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn xin chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Phạm Quang văn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Giáp Văn T1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Giáp Văn T1 kết hôn ngày 14/12/2017, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Lục Nam theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh T1 đã sống hạnh phúc một thời gian và có một con chung là Giáp Phương Th, sinh ngày 10/3/2019.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi nhau, không ai bảo được ai, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, đến tháng 6/2021 thì mâu thuẫn tiếp tục xảy, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, hai người sống ly thân từ đây. Hai bên gia đình đã hòa giải vận động chị T và anh T1 về đoàn tụ, nhưng không thành. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải nhiều lần để các bên về đoàn tụ. Nhưng chị T và anh T1 không đồng ý, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và thống nhất xin được ly hôn. Như vậy chị T và anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung: Giáp PhươngTh, sinh ngày 10/3/2019. Cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy: Nuôi con vừa quyền, vừa là nghĩa vụ của cả bố và mẹ; đây là nguyện vọng chính đáng của cả hai bên. Tuy nhiên căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung của cả hai bên, thì thấy chị T có điều kiện nuôi con hơn anh T1; chị T còn có bố mẹ để hỗ trợ. Mặt khác cháu Th là con gái, còn nhỏ (mới trên 36 tháng tuổi), nên có sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con Giáp Phương Th là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn anh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn xin chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 150.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 55, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Giáp Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con , sinh ngày 11/12/201 Giáp Phương Th, sinh ngày 10/3/2019.

Sau khi ly hôn anh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T xin chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013456 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại chị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Ch, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh